

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ NGA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4062 /QĐ - ĐT ngày 29 tháng 11 năm 2012  
của Giám đốc ĐHQGHN)*

## PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt:           Ngôn ngữ Nga

+ Tiếng Anh:           Russian

- Mã số ngành đào tạo:   52220202

- Trình độ đào tạo:       Đại học

- Thời gian đào tạo:      04 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt:           Cử nhân ngành Ngôn ngữ Nga

+ Tiếng Anh:           The Degree of Bachelor in Russian

- Đơn vị đào tạo:         Trường Đại học Ngoại ngữ

### 2. Mục tiêu đào tạo

Chương trình cử nhân tiếng Nga đào tạo ra những nhà chuyên môn có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về tiếng Nga và sử dụng thành thạo tiếng Nga (ít nhất tương đương mức C1 theo Khung tham chiếu Châu Âu); có tính linh hoạt, năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm; hiểu biết về môi trường địa phương, trong nước hay quốc tế, mà ở đó tiếng Nga được sử dụng như một ngoại ngữ, hay ngôn ngữ quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng lớn; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề

nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

- Đối tượng dự thi: Thí sinh có trình độ tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học hàng năm do Bộ Giáo dục & Đào tạo tổ chức, đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh của ĐHQGHN và của trường ĐH Ngoại ngữ.

- Khối thi: Khối D. Môn thi: Toán, Văn, Ngoại ngữ. Trong đó Ngoại ngữ có thể là tiếng Anh (D1) hoặc tiếng Nga (D2). Môn thi ngoại ngữ tính hệ số 2.

## **PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Về kiến thức**

#### ***1.1. Kiến thức chung trong ĐHQGHN***

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin - học thuyết khoa học và chân chính nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

- Nhớ và giải thích được các kiến thức cơ bản về thông tin, nguyên lý Von Neumann, mạng truyền thông. Sử dụng được các công cụ xử lý thông tin thông dụng (hệ điều hành, các phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet ...). Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ, hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ. Hiểu và áp dụng thành thạo các kiến thức cơ bản về lập trình quản lý với Visual Basic và cơ sở dữ liệu quan hệ trong các trường hợp cụ thể.

- Trình độ ngoại ngữ 2 tối thiểu đạt chuẩn B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu. Hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn, rõ ràng về các vấn đề quen thuộc trong các chủ đề về công việc, trường học, giải trí, v.v. Xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ. Viết đơn giản những liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy

vọng và hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe, đề phòng chấn thương. Vận dụng được những kỹ, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu vào các hoạt động thể thao cộng đồng.

- Hiểu rõ nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào chiến đấu trong điều kiện tác chiến thông thường.

### ***1.2. Kiến thức chung theo lĩnh vực***

- Nắm được các kiến thức cơ bản về địa lý thế giới và thể hiện được các kiến thức đó bằng tiếng Nga.

- Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học thống kê trong học tập và nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đào tạo.

- Hiểu rõ mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở tầm quốc gia hay quốc tế và đóng góp vào việc bảo vệ môi trường tại địa phương.

### ***1.3. Kiến thức chung của khối ngành***

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó có lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam.

- Nắm được bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp.

- Nắm vững kiến thức thực hành tiếng Việt như tiếp nhận văn bản, tạo lập văn bản, xác định lỗi và chữa lỗi trong văn bản nhằm tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt; nắm được các vấn đề về lý thuyết tiếng Việt như ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng - ngữ nghĩa và dụng học tiếng Việt.

- Nắm được tri thức về văn hoá, lịch sử phát triển thế giới, cách thức cảm nhận nghệ thuật, phát triển năng lực tư duy phê phán, phương pháp nghiên cứu khoa học.

#### ***1.4. Kiến thức chung của nhóm ngành***

- Hiểu rõ những khái niệm cơ bản trong ngữ âm học tiếng Nga, các quy luật ngữ âm, nhờ đó biết cách tự hoàn thiện mức độ chuẩn xác về phát âm của bản thân.

- Nắm vững và vận dụng được những kiến thức cơ bản của ngữ pháp tiếng Nga trong công việc chuyên môn.

- Nắm vững những vấn đề cơ bản của từ vựng học tiếng Nga và nhờ đó sử dụng từ chính xác hơn trong thực hành giao tiếp.

- Nắm vững những kiến thức khái quát về đất nước học Nga bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục Nga, cũng như văn học Nga ở các giai đoạn khác nhau.

- Nắm được những kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, nhờ đó có thể giao tiếp thành công trong môi trường liên văn hóa.

- Nắm vững các kiến thức thực hành tiếng Nga ở trình độ C1 theo khung tham chiếu châu Âu.

- Sử dụng tốt tiếng Nga ở trình độ C1 theo khung tham chiếu Châu Âu; có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng trong hoạt động biên phiên dịch và nghiên cứu.

#### ***1.5. Kiến thức ngành và hỗ trợ***

Nắm vững và vận dụng các kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành biên - phiên dịch Nga - Việt, Việt - Nga hoặc các kiến thức cơ bản liên quan đến lĩnh vực du lịch làm tiền đề cho công việc sau này.

#### ***1.6. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp***

- Thông qua chương trình thực tập phiên dịch, cử nhân ngành Ngôn ngữ Nga biết cách vận dụng các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ biên-phiên dịch hoặc nhân viên trong lĩnh vực du lịch đã được học vào công việc thực tiễn tại các văn phòng, công ty, đồng thời trau dồi thêm các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết khác, bước đầu làm quen với thực tế thị trường và xã hội và nhờ đó cảm thấy tự tin hơn với nghề nghiệp tương lai của mình.

- Sinh viên lựa chọn làm khóa luận hoặc học môn học thay thế. Thông qua việc làm khóa luận tốt nghiệp theo hình thức sinh viên tiến hành một dự án nghiên cứu theo

chuyên ngành được đào tạo dưới sự hướng dẫn của giáo viên, sinh viên có cơ hội nghiên cứu sâu về một vấn đề chuyên môn, phát triển khả năng phân tích, tư duy phê phán, thuyết trình v.v. Các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp được thiết kế mang tính tổng hợp cao, thông qua đó sinh viên nắm vững và vận dụng được những kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa Nga.

## **2. Về kỹ năng**

### **2.1. Kỹ năng cứng**

#### *2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp*

- Có khả năng sử dụng tốt cả hai ngôn ngữ Nga và Việt; biết diễn đạt ý tứ của vấn đề ở dạng nói và viết một cách rõ ràng, ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, phù hợp về văn phong, có khả năng biên tập tốt;

- Nắm vững kỹ thuật dịch và biết sử dụng từ điển một cách hữu hiệu;

- Có khả năng sử dụng một cách hiệu quả các kiến thức kiến thức có được về nhiều lĩnh vực, đặc biệt là kiến thức về văn hóa của Nga và Việt Nam, trong công việc dịch thuật của mình;

- Có khả năng tập trung cao độ, biết vượt qua các áp lực về tâm lý, thời gian, khối lượng công việc;

- Có khả năng ghi nhớ thông tin, biết phản ứng nhanh, linh hoạt;

- Có khả năng tìm hiểu đối tượng và môi trường làm việc, biết cách thu thập và xử lý thông tin liên quan đến công việc và sử dụng hiệu quả các thông tin thu được trong công việc biên/phiên dịch;

- Có khả năng chịu trách nhiệm về sản phẩm mình dịch về cả chất lượng và số lượng;

- Có khả năng nhận diện và tôn trọng các quy ước và văn phong của các loại văn bản;

- Có khả năng tách rời khỏi việc dịch máy móc hướng tới dịch có tư duy;

- Có khả năng quản lý thời gian, kỹ năng thích ứng, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp;

- Có năng lực phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng, hiệu quả việc biên/phiên dịch, trở thành một phần của thị trường cạnh tranh với kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp và tri thức cao.

### *2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề*

- Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể. Nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn đất nước. Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng để xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong nghiên cứu, học tập và công hiến, đóng góp cho cuộc sống xã hội.

- Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực dịch thuật.

### *2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức*

Có khả năng hình thành các giả thuyết, thu thập, phân tích và xử lý thông tin, tham gia nghiên cứu thực nghiệm, kiểm định giả thuyết và ứng dụng để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công tác.

#### *2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống*

Tư duy logic, có hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực dịch nói riêng, và các vấn đề kinh tế - văn hóa - xã hội nói chung.

#### *2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh*

Có năng lực xã hội hóa, khả năng thích nghi với xã hội và môi trường công tác. Có hiểu biết xã hội, thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế, xã hội trong nước và quốc tế.

#### *2.1.6. Bối cảnh tổ chức*

Nắm vững chiến lược, kế hoạch, mục tiêu và văn hóa của tổ chức nơi mình công tác để làm việc thành công. Thích ứng nhanh với sự thay đổi của tổ chức trong sự vận động của nền kinh tế thế giới hiện đại.

#### *2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn*

- Có khả năng vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng để thực hiện công việc, biết phân tích, xử lý các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công việc.

- Có khả năng tìm hiểu đối tượng và môi trường làm việc, có phương pháp thu thập và xử lý thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của đối tượng, về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế, sử dụng các thông tin thu được vào công tác biên-phiên dịch tiếng Nga.

#### *2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp*

Có khả năng sáng tạo, dẫn dắt và phát triển nghề nghiệp thông qua khả năng tự học, mong muốn không ngừng học tập, trau dồi và rèn luyện các kiến thức, kỹ năng cần thiết cho công việc và khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thực tế.

### **2.2. Kỹ năng mềm**

#### *2.2.1. Các kỹ năng cá nhân*

Chăm chỉ, nhiệt tình và say mê công việc; biết quản lý tốt thời gian và nguồn lực cá nhân; có khả năng thích ứng với sự phức tạp của thực tế; biết tự đánh giá kết quả công việc, hoàn thành công việc đúng hạn, đặt mục tiêu, tự phát triển bản thân, tự trau dồi và phát triển nghề nghiệp.

#### *2.2.2. Kỹ năng làm việc nhóm*

Có khả năng hình thành, điều hành và phát triển nhóm làm việc một cách hiệu quả; biết lãnh đạo nhóm (quản lý, phân công nhiệm vụ, phối hợp cá nhân trong nhóm, sử dụng các phương pháp động viên, khuyến khích ...), xử lý xung đột trong nhóm; biết làm việc trong các nhóm khác nhau.

#### *2.2.3. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo*

Có khả năng lãnh đạo, quản lý những thay đổi hoặc áp dụng những tiến bộ mới trong các hoạt động nghề nghiệp.

#### *2.2.4. Kỹ năng giao tiếp*

- Giao tiếp tốt bằng văn bản và lời nói (trao đổi, thuyết trình), biết truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức một cách hiệu quả dưới dạng nói và viết.

- Có khả năng áp dụng những kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tinh tế trong các hoàn cảnh cụ thể và đa dạng.

#### *2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*

- Giao tiếp được bằng ngoại ngữ (tiếng Nga) với trình độ tương đương C1 trở lên.

- Giao tiếp được bằng ngoại ngữ khác với trình độ tương đương B1 trở lên.

#### *2.2.6. Kỹ năng công nghệ thông tin*

- Sử dụng thành thạo các công cụ tin học như các phần mềm văn phòng và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn; thành thạo trong việc tìm kiếm tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu, dịch thuật. Có khả năng tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết các vấn đề thông dụng. Sử dụng tốt một hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể. Có khả năng phân tích, đánh giá và lập trình quản lý thông qua macro và môđun đơn giản trong Visual Basic.

- Có các kỹ năng máy tính cần thiết liên quan trực tiếp đến công việc của người phiên dịch, biết cách dịch có trợ giúp của máy tính, dịch tự động có sự trợ giúp của con người ...

### **3. Về phẩm chất đạo đức**

#### ***3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân***

- Xác định rõ Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam, nền tảng tư tưởng cho mọi hoạt động trong thực tiễn. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức



Hồ Chí Minh. Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, bồi dưỡng và nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. Có phong cách và lối sống lành mạnh, dám hy sinh, phấn đấu cho lý tưởng.

- Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, có ý thức cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc.

- Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức; nhiệt tình, say mê sáng tạo; có tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa; có khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh và điều kiện, môi trường làm việc, can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi; luôn có ý thức học hỏi, không ngừng trau dồi năng lực và có khát vọng vượt khó, vươn lên để thành đạt.

### ***3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp***

- Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy; có lòng tự tôn dân tộc; say mê trong công việc, tích cực khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn.

- Đảm bảo tính liêm chính, công bằng, vô tư, không phân biệt đối xử trong nhiệm vụ biên-piên dịch, trung thành với văn bản (nói/viết) nguyên gốc, không thêm bớt, chỉnh sửa hay bóp méo nội dung thông tin và ý định giao tiếp của tác giả phát ngôn.

- Đảm bảo bí mật thông tin của khách hàng trong nhiệm vụ biên-piên dịch; có thái độ đúng đắn và hiểu tầm quan trọng của nhiệm vụ biên-piên dịch; có tính kiên trì, say mê công việc, có hành vi chuyên nghiệp; thực hiện đầy đủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp.

- Có khả năng quản lý thời gian, có kỹ năng thích ứng, kỹ năng học và tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp.

- Ứng xử tốt thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp.

### ***3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội***

Xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của người công dân; có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có

trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

#### 4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

**Nhóm 1 – Biên dịch viên/Phiên dịch viên/Biên tập viên:** có khả năng làm việc độc lập với tư cách là một biên dịch viên các văn bản viết hoặc một phiên dịch viên cho các cuộc gặp gỡ tiếp xúc song phương thông thường, biên tập viên tại các nhà xuất bản có xuất bản phẩm là tiếng Nga, đáp ứng nhu cầu giao tiếp quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân, trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

**Nhóm 2 – Thư ký văn phòng/Trợ lý đối ngoại/Hướng dẫn viên du lịch:** có khả năng làm việc trong các văn phòng các công ty nước ngoài, liên doanh hoặc công ty Việt Nam, phụ trách các mảng công việc liên quan đến đối ngoại, hợp tác, kinh doanh, xuất nhập khẩu, du lịch với các đối tác nước ngoài, tham gia đàm phán, giao dịch, kí kết hợp đồng kinh doanh, theo dõi hợp đồng liên quan, lập kế hoạch, chương trình đón tiếp khách quốc tế, tổ chức các tour du lịch, xử lý các công việc có liên quan đến năng lực nói, viết tiếng Nga.

Ngoài ra, sau khi hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm, người học có thể tham gia giảng dạy ngoại ngữ, có khả năng nghiên cứu và học lên trình độ cao học.

### PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

<b>Tổng số tín chỉ phải tích lũy:</b>	<b>131</b> tín chỉ
<b>- Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN:</b>	<b>27</b> tín chỉ
<i>(Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN và kỹ năng mềm )</i>	
<b>- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:</b>	<b>6/15</b> tín chỉ
<b>- Khối kiến thức chung của khối ngành:</b>	<b>8</b> tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>6</i> tín chỉ
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>2/14</i> tín chỉ
<b>- Khối kiến thức chung của nhóm ngành:</b>	<b>54</b> tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>48</i> tín chỉ
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>6/21</i> tín chỉ
<b>- Khối kiến thức ngành và bổ trợ:</b>	<b>27</b> tín chỉ

+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>18</i> <i>tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>9/27</i> <i>tín chỉ</i>
- <b>Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:</b>	<b>9</b> <b>tín chỉ</b>

## 2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>		<b>Khối kiến thức chung</b> (không tính các môn học từ số 9 đến số 11)	<b>27</b>				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	17	28		
6		Ngoại ngữ A1	4	16	40	4	
7		Ngoại ngữ A2	5	20	50	5	NN A1
8		Ngoại ngữ B1	5	20	50	5	NN A2
9		Giáo dục thể chất	4				
10		Giáo dục quốc phòng – an ninh	8				
11		Kỹ năng mềm	3				
<b>II</b>		<b>Khối kiến thức chung theo lĩnh vực</b>	<b>6/15</b>				
12	RUS1001	Địa lý đại cương	3	15	25	5	RUS5009 RUS5010
13	RUS1002	Môi trường và phát triển	3	15	25	5	RUS5009 RUS5010
14	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	15	15		
15	MAT1092	Toán cao cấp	4	42	18		
16	MAT1101	Xác suất thống kê	3	27	18		MAT1092
<b>III</b>		<b>Khối kiến thức chung của khối ngành</b>	<b>8</b>				
<b>III.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>6</b>				
17	HIS1052	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	30	10	5	
18	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	30	10	5	
<b>III.2</b>		<b>Tự chọn</b>	<b>2/14</b>				
19	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	20	6	4	

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
20	FLF1002	Phương pháp luận NCKH	2	15	13	2	
21	PHI1051	Logic học đại cương	2	20	6	4	
22	FLF1003	Tư duy phê phán	2	15	13	2	
23	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	20	10		
24	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	22	7	1	
25	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	20	8	2	
<b>IV</b>		<b>Khối kiến thức chung của nhóm ngành</b>	<b>54</b>				
<b>IV.1</b>		<b>Khối kiến thức Ngôn ngữ - Văn hóa</b>	<b>18</b>				
<i>IV.1.1</i>		<i>Bắt buộc</i>	<i>12</i>				
26	RUS2033	Ngôn ngữ học tiếng Nga 1	3	20	20	5	RUS5003 RUS5004
27	RUS2034	Ngôn ngữ học tiếng Nga 2	3	20	20	5	RUS2033
28	RUS2003	Đất nước học Nga	3	25	15	5	RUS5009 RUS5010
29	RUS2032	Giao tiếp liên văn hóa	3	25	15	5	RUS2003
<i>IV.1.2</i>		<i>Tự chọn</i>	<i>6/21</i>				
30	RUS2045	Từ vựng học tiếng Nga	3	20	20	5	RUS2034
31	RUS2030	Phong cách học tiếng Nga	3	20	20	5	RUS2045
32	RUS2035	Ngữ dụng học tiếng Nga	3	20	20	5	RUS2045
33	RUS2036	Những thay đổi trong tiếng Nga hiện đại	3	20	20	5	RUS2045
34	RUS2031	Đối chiếu tiếng Nga và tiếng Việt	3	20	20	5	RUS2045
35	RUS2046	Văn học Nga 1	3	25	15	5	RUS5009 RUS5010
36	RUS2047	Văn học Nga 2	3	25	15	5	RUS2046
<b>IV.2</b>		<b>Khối kiến thức tiếng</b>	<b>36</b>				
37	RUS5001	Tiếng Nga 1A	4	16	40	4	
38	RUS5002	Tiếng Nga 1B	4	16	40	4	
39	RUS5003	Tiếng Nga 2A	4	16	40	4	RUS5001
40	RUS5004	Tiếng Nga 2B	4	16	40	4	RUS5002

<b>Số TT</b>	<b>Mã môn học</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Số giờ tín chỉ</b>			<b>Mã số môn học tiên quyết</b>
				<i>Lý thuyết</i>	<i>Thực hành</i>	<i>Tự học</i>	
41	RUS5005	Tiếng Nga 3A	4	16	40	4	RUS5003
42	RUS5006	Tiếng Nga 3B	4	16	40	4	RUS5004
43	RUS5007	Tiếng Nga 4A	4	16	40	4	RUS5005
44	RUS5008	Tiếng Nga 4B	4	16	40	4	RUS5006
45	RUS5009	Tiếng Nga 3C	2	5	20	5	
46	RUS5010	Tiếng Nga 4C	2	5	20	5	

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
V		<b>Khối kiến thức ngành và bổ trợ (Chọn 1 định hướng)</b>	27				
V.1		<b>Định hướng chuyên ngành phiên dịch</b>	27				
V.1.1		<i>Bắt buộc</i>	18				
47	RUS3026	Lý thuyết dịch	3	20	20	5	RUS5009 RUS5010
48	RUS3027	Phiên dịch	3	10	30	5	RUS5009 RUS5010
49	RUS3017	Biên dịch	3	10	30	5	RUS5009 RUS5010
50	RUS3018	Biên dịch nâng cao	3	10	30	5	RUS3017
51	RUS3028	Phiên dịch nâng cao	3	10	30	5	RUS3027
52	RUS3040	Kỹ năng nghiệp vụ biên-phiên dịch	3	20	20	5	RUS3026
V.1.2		<i>Tự chọn</i>	9/27				
V.1.2.1		<i>Các môn học chuyên sâu</i>	6/12				
53	RUS3020	Dịch văn bản chuyên ngành	3	20	20	5	RUS3026
54	RUS3021	Dịch chuyên ngành 1	3	10	30	5	RUS3020
55	RUS3022	Dịch chuyên ngành 2	3	10	30	5	RUS3021
56	RUS3041	Phân tích đánh giá bản dịch	3	20	20	5	RUS3026
V.1.2.2		<i>Các môn học bổ trợ</i>	3/15				
57	RUS3032	Tiếng Nga Du lịch	3	15	20	10	RUS5009 RUS5010
58	RUS3031	Tiếng Nga Công sở	3	15	20	10	RUS5009 RUS5010
59	RUS3035	Tiếng Nga Kinh tế	3	15	20	10	RUS5009 RUS5010
60	RUS3038	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	25	15	5	RUS5009 RUS5010
61	TOU3013	Hướng dẫn du lịch	3	20	20	5	
V.2		<b>Định hướng chuyên ngành Du lịch</b>	27				
V.2.1		<i>Bắt buộc</i>	18				

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
62	RUS3027	Phiên dịch	3	10	30	5	RUS5009 RUS5010
63	RUS3017	Biên dịch	3	10	30	5	RUS5009 RUS5010
64	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3	25	15	5	
65	TOU2003	Kinh tế Du lịch	3	25	15	5	
66	RUS3038	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	30	10	5	
67	RUS3032	Tiếng Nga Du lịch	3	15	20	10	RUS5009, RUS5010
V.2.2		<i>Tự chọn</i>	9/27				
V.2.2.1		<i>Các môn học chuyên sâu</i>	6/15				
68	RUS3033	Tiếng Nga Du lịch nâng cao	3	15	20	10	RUS3032
69	RUS3019	Địa lý văn hóa du lịch	3	30	10	5	TOU2001 RUS5009 RUS5010
70	TOU2009	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	25	15	5	TOU2003
71	TOU2008	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	25	15	5	TOU2003
72	TOU3013	Hướng dẫn du lịch	3	20	20	5	
V.2.2.2		<i>Các môn học bổ trợ</i>	3/12				
73	RUS3028	Phiên dịch nâng cao	3	10	30	5	RUS3027
74	RUS3018	Biên dịch nâng cao	3	10	30	5	RUS3017
75	RUS3031	Tiếng Nga Công sở	3	15	20	10	RUS5009 RUS5010
76	RUS3035	Tiếng Nga Kinh tế	3	15	20	10	RUS5009 RUS5010
<b>VI</b>		<b>Kiến thức thực tập và tốt nghiệp</b>	<b>9</b>				
77	RUS4001	Thực tập	3				
78	RUS4051	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp (chọn 2 môn trong số các môn tự chọn của IV hoặc V)	6				
		<b>Tổng cộng</b>	<b>131</b>				